

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG NHẬT 4

Số tín chỉ : 2

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Khối ngành không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Nhật 4

2. Mã học phần: TNHAT 004

3. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 3

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành học phần tiếng Nhật 3

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đặng Thị Thanh	08333.08338	dtthanh@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Các thể của động từ, nhóm động từ, các cấu trúc câu mệnh lệnh, cảm đoán, sai khiến, biểu thị mong muốn, cho phép.

- Từ vựng: Chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về chủ đề tại nơi làm việc, nhà hàng, ngân hàng, mua bán, hỏi thăm, đưa chỉ dẫn, biểu thị mong muốn, thói quen, liệt kê đặc điểm của sự vật, diễn đạt trình tự các sự kiện, các hoạt động thường ngày của bản thân, đối tượng giao tiếp.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Trình bày kiến thức cơ bản về các nội dung sau: - Đọc, viết khoảng 100 chữ Kanji đơn giản thường dùng.	2	[1.2.1.1b]
MT1.2	- Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản: Các thể của động từ, nhóm động từ, các cấu trúc câu mệnh lệnh, cảm đoán, sai khiến, biểu thị mong muốn, cho phép.	2	[1.2.1.1b]
MT1.3	- Từ vựng, cấu trúc câu giao tiếp về chủ đề nghề nghiệp, khu phố, nhà ga, ngân hàng.	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	- Đọc và viết được khoảng 100 chữ Kanji.	3	[1.2.2.3]
MT2.2	- Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về chủ đề tại nơi làm việc, nhà hàng, ngân hàng, mua bán, hỏi thăm, đưa chỉ dẫn, biểu thị mong muốn, thói quen, liệt kê đặc điểm của sự vật, diễn đạt trình tự các sự kiện, các hoạt động thường ngày của bản thân, đối tượng giao tiếp.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	- Tuân thủ các quy tắc giao tiếp và tôn trọng nền văn hóa bản địa và văn hóa Nhật Bản.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
CDR1.1	Trình bày được khoảng 100 chữ Kanji.	3	[1.3]
CDR1.2	Trình bày được từ vựng, cấu trúc diễn đạt về chủ đề nghề nghiệp, khu phố, nhà ga, ngân hàng; Phân loại được các nhóm động từ, chia được động từ thể -masu sang thể -te; Liệt kê đặc điểm của sự vật, diễn đạt được trình tự các sự kiện, các hoạt động thường ngày của bản thân, đối tượng giao tiếp; cấu trúc câu mệnh lệnh, cảm đoán, sai khiến, biểu thị mong muốn, cho phép.	3	[1.3]
CDR2	Kĩ năng		
CDR2.1	Đọc và viết đúng khoảng 100 chữ Kanji.	4	[2.8]
CDR2.2	Nghe, nói, đọc, viết được về chủ đề nghề nghiệp, khu phố, nhà ga, ngân hàng; Chia động từ thể -te thành thạo; liệt kê các đặc điểm của sự vật, diễn đạt được trình tự các sự kiện, các hoạt động thường ngày của bản thân, đối tượng giao tiếp; Sử dụng thành thạo cấu trúc câu mệnh lệnh, cảm đoán, sai khiến, biểu thị mong muốn, cho phép.	4	[2.8]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[3.1]
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, truyền đạt các thông tin cơ bản trước lớp.	4	[3.1]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	第 13 課：別々をお願いします 13.1. 語彙 13.2. 文法・句型 + 練習 A + 練習 B 13.3. 活動 + 会話 + 練習 C 13.4. 聴解 + 問題 13.5. 復習	x	x	x	x	x	x	x

	+ 問題 + 読解							
2	第 14 課：みどり町までお願いします 14.1. 語彙 14.2. 文法・句型 + 練習 A + 練習 B 14.3. 活動 + 会話 + 練習 C 14.4. 聴解 + 問題 14.5. 復習 + 問題 + 読解	x	x	x	x	x	x	x
3	漢字：第 7- 8 - 読み方 - 書き方 - 使い方	x	x	x		x	x	x
4	第 15 課：ご家族は？ 15.1. 語彙 15.2. 文法・句型 + 練習 A + 練習 B 15.3. 活動 + 会話 + 練習 C 15.4. 聴解 + 問題 15.5. 復習 + 問題 + 読解	x	x	x	x	x	x	x
5	第 16 課：使い方を教えてください 16.1. 語彙 16.2. 文法・句型 + 練習 A + 練習 B 16.3. 活動 + 会話 + 練習 C 16.4. 聴解 + 問題 16.5. 復習 + 問題 + 読解	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần; vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, giáo trình, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Hán tự* (Bản tiếng Việt), Nhà xuất bản trẻ.

[2] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Nhật*, Nhà xuất bản trẻ.

[3] - Minna no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Việt*, Nhà xuất bản trẻ.

- Tài liệu tham khảo:

[4] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Tổng hợp các bài tập theo chủ điểm*, Nhà xuất bản trẻ.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	<p>第 13 課 : 別々にお願ひします (Nhờ chị tính riêng ra cho ạ) Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày từ vựng chủ đề: trong khu phố; - Hiểu mẫu câu dùng động từ chỉ sự chuyển động, động từ thể -tai, cấu trúc -ga hoshi biểu thị mong muốn; - Luyện nghe, nói, đọc, viết sử dụng danh từ chỉ địa điểm, món ăn và mẫu câu biểu thị thể mong muốn. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>13. 1. 語彙</p> <p>13. 2. 文法・句型</p> <p>+ 練習A</p> <p>+ 練習 B</p> <p>13. 3. 活動</p> <p>+ 会話</p> <p>+ 練習 C</p> <p>13. 4. 問題</p> <p>+ 聴解</p> <p>+ 復習</p>	6 (6 LT, 0 TH)	<p>Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 82 - 87 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép, giải quyết vấn đề; + Làm bài tập cá nhân, bài tập theo nhóm trang 110 - 117 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 13 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên. 	CĐR1.2; CĐR1.5; CĐR2.2; CĐR2.5; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.
2	<p>第 14 課 : みどり町まで願ひします (Cho tôi đến Midoricho) Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các nhóm động từ và cách chia động từ theo nhóm, từ vựng chủ đề nhà ga; - Hiểu và chia đúng các nhóm động từ sang thể -te; - Luyện nghe, nói, đọc, viết sử dụng cấu trúc với động từ thể -te 	6 (6 LT, 0 TH)	<p>Thuyết trình; phát vấn, tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước từ vựng, giải 	CĐR1.2; CĐR1.3; CĐR1.5; CĐR2.2; CĐR2.3; CĐR2.5; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>để đưa ra mệnh lệnh, chỉ dẫn.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>14. 1. 語彙</p> <p>14. 2. 文法・句型</p> <p>+ 練習A</p> <p>+ 練習 B</p> <p>14. 3. 活動</p> <p>+ 会話</p> <p>+ 練習 C</p> <p>14. 4. 問題</p> <p>+ 聴解</p> <p>+ 復習</p>		<p>thích mẫu câu trang 88 - 93 tài liệu [3];</p> <p>+ Nghe, quan sát, ghi chép;</p> <p>+ Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra;</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân, bài tập theo nhóm trang 118 - 128 tài liệu [2];</p> <p>+ Làm bài tập bài học 14 tài liệu [4];</p> <p>+ Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên.</p>	
3	<p>漢字: 第 7 ~ 8 課</p> <p>(Chữ Hán: Bài 7 ~ Bài 8)</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Trình bày qui tắc về trình tự viết các nét chữ Kanji, âm Hán - Việt, cách đọc các chữ Kanji cơ bản thường gặp từ bài 7 đến bài 8;</p> <p>- Luyện kỹ năng đọc, viết chữ Kanji.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>- 読み方</p> <p>- 書き方</p> <p>- 使い方</p> <p>Kiểm tra giữa học phần</p>	6 (4 LT, 0 TH, 2 KT)	<p>Thuyết trình; giảng giải; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Giảng giải qui tắc về trình tự viết các nét chữ Kanji, âm Hán-Việt, cách đọc các chữ Kanji;</p> <p>+ Phân biệt các nét viết tương đồng;</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên đọc, viết các chữ Kanji, làm bài luyện tập.</p> <p>+ Ôn tập củng cố nội dung bài 13, bài 14 tài liệu [2], chữ Kanji bài 7, bài 8 tài liệu [1];</p> <p>+ Hướng dẫn kiểm tra giữa học phần.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước trang 55 - 62 tài liệu [1];</p> <p>+ Nghe, quan sát, ghi chép;</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân, bài tập theo nhóm trang 143 - 144</p>	CDR1.1; CDR2.1; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			tài liệu [1]; + Luyện đọc và viết đúng thứ tự các nét. + Làm bài kiểm tra giữa học phần theo yêu cầu.	
4	<p>第 15 課 : ご家族は？ (Gia đình anh thế nào?) Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày từ vựng chủ đề nghề nghiệp; - Hiểu cách sử dụng mẫu câu biểu thị sự xin phép, cảm đoán và mô tả được hoạt động đang xảy ra. - Luyện nghe, nói, đọc, viết thăm hỏi tình hình gia đình của đối tượng giao tiếp. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>15. 1 語彙</p> <p>15. 2. 文法・句型</p> <ul style="list-style-type: none"> + 練習A + 練習 B <p>15. 3. 活動</p> <ul style="list-style-type: none"> + 会話 + 練習 C <p>15. 4. 問題</p> <ul style="list-style-type: none"> + 聴解 + 復習 	6 (6 LT, 0 TH)	<p>Thuyết trình; giảng giải; tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 94 - 99 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Làm bài tập cá nhân và bài tập theo nhóm trang 126 - 133 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 15 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên. 	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR1.3; CĐR1.5; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR2.3; CĐR2.5; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.
5	<p>第 16 課 : 使い方を教えてください (Làm ơn chỉ cho tôi cách dùng)</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày từ vựng chủ đề ngân hàng, cách nói câu với động từ, tính từ, danh từ; mẫu 	6 (6 LT, 0 TH)	<p>Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, đặt vấn đề</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. 	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR1.3; CĐR1.4; CĐR1.5; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR2.3;

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>câu hỏi và trả lời về trình tự các hoạt động;</p> <p>- Hiểu cách nối câu, cách nói trình tự các hoạt động, sự kiện.</p> <p>- Luyện nghe, nói, đọc, viết cách nối câu, cách nói trình tự các hoạt động, sự kiện và đưa chỉ dẫn.</p> <p>- Nội dung cụ thể:</p> <p>16. 1. 語彙</p> <p>16. 2. 文法・句型</p> <p>+ 練習A</p> <p>+ 練習 B</p> <p>16. 3. 活動</p> <p>+ 会話</p> <p>+ 練習 C</p> <p>16. 4. 問題</p> <p>+ 聴解</p> <p>+ 復習</p>		<p>- Sinh viên</p> <p>+ Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 100 - 105 tài liệu [3];</p> <p>+ Nghe, quan sát, ghi chép;</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân và bài tập theo nhóm trang 134 - 143 tài liệu [2];</p> <p>+ Làm bài tập bài học 16 tài liệu [4];</p> <p>+ Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên.</p>	<p>CDR2.4;</p> <p>CDR2.5;</p> <p>CDR3.1;</p> <p>CDR3.2;</p> <p>CDR3.3;</p> <p>CDR3.4.</p>

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiên

Trịnh Thị Chuyên